

**SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN
BỆNH VIỆN BỆNH NHIỆT ĐỚI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 391/BVBND-CV
V/v: Đề nghị thẩm định giá

Hưng Yên, ngày 15 tháng 10 năm 2025

Kính gửi: Quý công ty

Tổ chức/cá nhân yêu cầu thẩm định giá: **BỆNH VIỆN BỆNH NHIỆT ĐỚI.**

Địa chỉ: Đường Phạm Bạch Hồ, Phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên

Đại diện: Ông Trần Xuân Khánh Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 0900234508 – 003

Số điện thoại: 02213.600336

Fax: 02213 865 390

Số tài khoản: 9527.2.1092077/3716.2.1092077.00000 tại: Kho bạc Nhà nước Khu vực IV.

Đề nghị Quý Công ty thực hiện thẩm định giá của tài sản chi tiết như sau:

1. Tài sản thẩm định giá: Hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư y tế, sinh phẩm y tế năm 2025
2. Số lượng: Chi tiết trong phụ lục Thông tin tài sản kèm theo Đề nghị này.
3. Mục đích thẩm định giá: Làm cơ sở tham khảo mua sắm mới theo quy định pháp luật hiện hành.
4. Địa điểm thẩm định giá: Hưng Yên và các vùng lân cận
5. Thời điểm thẩm định giá (cụ thể tháng, năm): 11/12 2025
6. Thời hạn gửi báo giá dịch vụ: 10 ngày kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025

Thời hạn công việc thực hiện thẩm định giá: 20 ngày

Sau khi tham khảo trình tự, thủ tục và mức giá dịch vụ thẩm định giá của Quý Công ty, chúng tôi cam kết:

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu có liên quan đến tài sản đề nghị thẩm định giá và chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý của Hồ sơ cung cấp.

- Tạm ứng, thanh toán đầy đủ giá trị dịch vụ được cung cấp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tới Quý Công ty ngay khi nhận được bản chính Chứng thư thẩm định giá (03 bản, bằng Tiếng Việt) của Quý Công ty.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT, Dược –CNK và vật tư y tế.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC
Trần Xuân Khánh**

6	Que thử xét nghiệm nước tiểu 11 thông số	Tên thương mại: Urodip 11P Mã sản phẩm: 315-470 Hãng sản xuất: mti-diagnostics GmbH/ Đức	3822	2025 trở đi	Đức	100 test	Test	8.000	Que thử xét nghiệm nước tiểu 11 thông số phù hợp với máy nước tiểu Click 50. Thành phần chính: Ascorbic Acid: 2,6-dichloro-phenol-indophenol 0.5mg Leukocytes: indoxyl ester 1.4mg; diazonium salt 0.7mg. Ketone: sodium nitroprusside 30.0mg. Nitrite: sulfanilamide 0.65mg; N-(naphthyl)-ethylenediammonium dihydrochloride 0.45mg. Urobilinogen: fast blue B salt 1.2mg. Bilirubin: 2,4-dichlorobenzene diazonium 14.3mg. Protein: tetrabromphenol blue 0.36mg. Glucose: glucose oxidase 6.2mg; peroxidase 2.8mg; 4-aminoantipyrine 0.08mg. Specific Gravity: bromthymol blue 0.4mg; sodium poly methyl vinyl acetate maleic 16mg. Blood: cumene hydroperoxide 35.2mg; 3,3',5,5'-tetramethylbenzidine 2.0mg. pH: bromocresol green 0.2mg; bromxlenol blue 3.3mg. Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016
7	Test nhanh chẩn đoán HIV (Xét nghiệm in vitro phát hiện kháng thể kháng HIV-1/HIV-2 ở người)	Determine™ HIV 1/2 ; 7D2343; Abbott Diagnostics Medical Co., Ltd	3822	2024 trở đi	Nhật Bản	Túi 100 test	Test	300	- Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.75%. Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút, không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. - Hàm lượng chính: Antibody Anti HIV-1, Antibody Anti HIV-2, Antigen (pGO9-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen, (pGO11-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen, (pJC100) HIV-2, Antigen, (pOM10/PV361) HIV-1, Antigen, (pTB319/XL-1) HIV-1, HIV-1 Peptide Antigen, HIV-2 peptide Antigen. - Được ban hành trong Khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia năm 2020 của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương. - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương/mẫu toàn phần: 50µL. Nhiệt độ bảo quản: 2 – 30 °C Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016
III Phim chụp Laser TRIMAX TXE 10" x 12" (25 x 30cm)									
8	Phim chụp Laser TRIMAX TXE 10" x 12" (25 x 30cm)	TRIMAX TXE 25x30cm (10x12"); 1735950; Carestream Health	3701	2024 trở đi	Mỹ	125 cái/ hộp	Cái	4.000	Phim khô laser 25x30 cm (10x12 inch) - Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester - Phim có thể lưu lại trên đèn đọc phim ≥ 24 giờ, ở điều kiện nhiệt độ 16–27 °C hoặc 60–80 °F và điều kiện độ ẩm 30–50 % RH - Mật độ hình ảnh Dmax 3.3 - Phim có mật độ điểm ảnh 650 ppi - Hiệu chỉnh máy in Laser để tối ưu hóa chất lượng – và để giúp đảm bảo độ tương phản và mật độ đáp ứng các tùy chọn mà người dùng đặt trước. - Tương thích với hệ thống máy in phim laser Trimax - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE
IV Hóa chất, vật tư dùng cho Hệ thống nội soi									
9	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại	CIDEX OPA Solution; 20391; Systagenix Wound Management Manufacturing Limited	3808	2024 trở đi	Anh	Can 3708 ml	ml	40.000	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO- PHTHALALDEHYDE 0,55%, pH 7.2 - 7.8 Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate), có que thử, dùng được 75 ngày sau khi mở nắp bình. - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, Trùng khuẩn lao (Mycobacterium bovis), theo các tiêu chuẩn: EN 13727, EN 13624, EN 14348, EN 14563, EN 14476 - Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. - Có chứng nhận tương thích của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi (Olympus, Pentax, GE, Karl Storz). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485